

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/DS-ST
Ngày: 18 – 8 – 2020
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xươngne.

Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn-Thẩm Tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Hậu-Kiểm Sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp Hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2020/QĐST-DS, ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh ngày 01/01/1957, địa chỉ: Số X, Tổ 8, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

- Bị đơn: Ông Mai Văn S, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Huỳnh M, sinh năm 1965, cùng địa chỉ: Số Y, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, đều vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959, địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo Đơn khởi kiện ngày 26/02/2020, Biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2020 và các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Bà là hụi viên, có tham gia 03 dây hụi do vợ chồng ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây 1: Hội mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 25/11/2015 âm lịch (nhằm ngày 04/01/2016 dương lịch), 04 tháng khui 01 lần, mãn ngày 25/7/2021, có 18 chung, bà tham gia 01 chung, đóng hội sống được 12 lần với số tiền 60.000.000 đồng, tiền đầu thảo 2.500.000 đồng/01 lần khui hội, đến lần khui thứ 13, vợ chồng ông S, bà M không khui nữa.

Dây 2: Hội mùa 5.000.000 đồng, mở ngày 25/11/2016 âm lịch (nhằm ngày 23/12/2016 dương lịch), 04 tháng khui 01 lần, mãn ngày 25/11/2020, có 13 chung, bà tham gia 01 chung, đóng hội sống được 09 lần với số tiền 45.000.000 đồng, 2.500.000 đồng/01 lần khui hội, đến lần khui thứ 10 vợ chồng ông S, bà M không khui nữa.

Dây 3: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 10/6/2018 âm lịch, có 26 chung, bà tham gia 02 chung, đã hốt 01 chung, còn lại 01 chung chưa hốt, đã khui được 15 lần. Sau khi trừ qua cần lại, vợ chồng ông S, bà M còn nợ bà 5.000.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hội mà bà tham gia tính có lãi nêu trên, vợ chồng ông S, bà M còn nợ bà 110.000.000 đồng.

Ngày 26/12/2019, bà M có làm Tờ Cam kết với những hội viên còn hội sống với nội dung: Đến ngày 01/02/2020 âm lịch, sẽ tiếp tục khui hội 5.000.000 đồng trở lại, sau 10 ngày, kể từ ngày khui hội, bà M sẽ giao tiền cho người hốt hội, nếu bà M không thực hiện, những người hội viên có quyền lấy 03 công đất, như trong Tờ Tổ hùn vốn đã giao kèo giữa hội viên và Tổ trưởng. Nhưng bà M không thực hiện đúng như nội dung mà bà M đã cam kết.

Khi thỏa thuận chơi hội, hai bên ghi địa chỉ theo Danh sách chơi hội là ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Khi khui hội tại nhà của bà M, ở ấp An Đ, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng, có nhiều người, ông S (chồng bà M) cũng biết việc chơi hội này và ghi tên ông S trong các dây hội.

Tiền hốt hội và tiền đầu thảo, bà M, ông S sử dụng để xây dựng nhà cửa, làm chuồng trại nuôi heo, lo cho người con trai đi xuất khẩu lao động và làm vườn. Các dây hội mà bà khởi kiện vợ chồng bà M, ông S đều có những người tham gia chơi hội chung, mà hiện nay đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách như bà, là: ông Mai Văn M, bà Dương Thị B, bà Thạch Thị Sóc K và ông Nguyễn Văn H. Ngoài ra cũng có bà Nguyễn Thị N tham gia chơi chung với bà, nhưng bà N đã hốt hết các chung hội này.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M trả số tiền nợ hội 110.000.000 đồng.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2020, người làm chứng bà Nguyễn Thị N trình bày:*

- Bà không có quan hệ bà con hay thân thích gì với bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn H và vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S, bà là hội viên chơi hội chung với bà G, ông H.

- Bà, ông H và bà G là hội viên có tham gia chơi hội chung do vợ chồng

bà M, ông S làm chủ hội, cụ thể là các dây hội hiện nay mà bà G và ông H đang khởi kiện tại Tòa án. Bà cũng biết hiện nay vợ chồng bà M, ông S còn nợ tiền hội của bà G 110.000.000 đồng và nợ tiền hội của ông Hiệp 45.000.000 đồng.

- Tờ Cam kết ngày 26/12/2019, viết trên giấy tập học sinh, do chính tay bà viết giùm cho bà M, có sự chứng kiến của ông Kiên Ngọc M, là Trưởng Ban nhân dân ấp A cùng ngày.

- Bà cam đoan lời khai của mình nêu trên là sự thật và chịu trách nhiệm với lời khai của mình.

**Bị đơn ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M đều vắng mặt, không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G.*

**Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, nguyên đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng

[1] Theo biên bản xác minh ngày 19/5/2020, Công an thị trấn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng cho biết như sau: Vợ chồng ông Mai Văn S, bà Nguyễn Huỳnh M hiện nay đang cư trú và còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số Y, ấp A, thị trấn K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Theo nội dung Tờ Cam kết ngày 26/12/2019, thể hiện: Bà Nguyễn Huỳnh M, hiện ngụ tại ấp A, thị trấn K, Sóc Trăng, hứa ngày 01/02/2020 âm lịch, sẽ tiếp tục khai hội 5.000.000 đồng trở lại, nếu như ngược lại, bà không làm đúng cam kết, chị em có quyền lấy đất (03 công tằm lớn), theo như Hợp đồng đã giao. Nghĩa là bà sẽ cầm cố hoặc bán trả cho chị, em. Sau 10 ngày, kể từ ngày khai hội, Đầu thảo phải chung đủ tiền, bà làm giấy này để làm bằng chứng, nếu sai trái bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[3] [Tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết](#) số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự, về trả lại đơn

khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án, cụ thể về việc xử lý việc ghi địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: “a) Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan”.

[4] Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định, tại phiên tòa, bị đơn ông Mai Văn S và bà Nguyễn Huỳnh M, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

- Về nội dung

[5] Xét thấy: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận và giao kết Hợp đồng góp hui với nhau, theo Ba dây hui mà nguyên đơn đã trình bày, trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[6] Nguyên đơn cho rằng: Các Ba dây hui mà bà khởi kiện vợ chồng bà M, ông S đều có những người tham gia chơi hui chung, mà hiện nay đang khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Kế Sách như: Ông Mai Văn M, bà Dương Thị B, bà Thạch Thị Sóc K và ông Nguyễn Văn H. Ngoài ra, còn có bà Nguyễn Thị N tham gia chơi chung, nhưng đã hốt hui. Lời trình bày này của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, vì phù hợp với các tài liệu, chứng cứ là các thông báo về việc thụ lý vụ án, tại các bút lục 29, 30 và 32; Thông báo về việc thụ lý vụ án số 153/TB-TLVA, ngày 03/3/2020 (đối với ông H) và Thông báo về việc thụ lý vụ án số 247/TB-TLVA, ngày 29/4/2020 (đối với bà N).

[7] Về số tiền nợ hui: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui của Ba dây nêu trên là 110.000.000 đồng, người làm chứng bà Nguyễn Thị N cũng xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền này, vì bị đơn đã không khai hui từ ngày 04/9/2019 âm lịch, điều này cũng phù hợp với nội dung Tờ Cam kết mà bị đơn bà M đã ký ngày 26/12/2019; Mặt khác, tại Tòa án, bà Dương Thị B, ông Mai Văn M, bà Thạch Thị Sóc K và ông Nguyễn Văn H đều khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lần lượt số tiền hui là: 105.000.000 đồng, 60.000.000 đồng, 45.000.000 đồng và 45.000.000 đồng.

[8] Tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ: *“Bên có nghĩa vụ mà vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu trách nhiệm dân sự đối với bên có quyền. Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ”*. Tại khoản 1 Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định Hộ, hội, biên, phường: *“Hộ, hội, biên, phường (sau đây gọi chung là họ) là hình thức giao dịch về tài sản theo tập quán trên cơ sở thỏa thuận của một nhóm người tập hợp nhau lại cùng định ra số người, thời gian, số tiền hoặc tài sản khác, thể thức góp, lĩnh họ và quyền, nghĩa vụ của các thành viên”*.

[9] Như vậy, có căn cứ xác định, nguyên đơn và bị đơn có tham gia chơi hội với nhau, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền hội 110.000.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 166, 351, 357, 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà G, buộc vợ chồng bà M, ông S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà G số tiền nợ hội **110.000.000 đồng**.

[10] Đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ, theo như nhận định và phân tích nêu trên.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nên bà G không phải chịu án phí và cũng không phải nộp tạm ứng án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Vợ chồng bà M, ông S phải liên đới chịu án phí có giá ngạch là $110.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.500.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các điều 166, 351, 357, 471 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 1 Điều 30 và khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; **Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết** số 04/2017/NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, hướng dẫn một số quy định

tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G, buộc vợ chồng bà Nguyễn Huỳnh M, ông Mai Văn S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà G số tiền nợ hụi **110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng)**.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

- Bà G không phải chịu án phí và cũng không phải nộp tạm ứng án phí, do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Buộc vợ chồng bà M, ông S phải liên đới chịu 5.500.000 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm, đối với đương sự không có mặt tại phiên toà thì thời hạn này tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Vinh Thắng